

Sở Y tế Nam Định
 Bệnh viện Y học cổ truyền
 Mã đơn vị: 1046236
 Loại hình đơn vị: Sự nghiệp công lập

Mẫu số 09c-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC
 NĂM 2019**

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô													
II	Tài sản cố định khác													
01	Bàn LV giám đốc	Giám đốc	01	21.000	21.000		10.500			x				
02	Bàn mổ trĩ TQ 2012	Khoa ngoại	01	10.000	10.000		2.000			x				
03	Dao cắt laser	Khoa ngoại	01	64.575	64.575		0			x				
04	Đèn mổ 5 bóng	Kha Ngoại	01	13.650	13.650		0			x				

05	Nội hơi 2013	K. Dược	01	296.560	296.560		88.968			X				
06	Giàn sắc thuốc 2013	K. Dược	03	197.340	197.340		59.202			X				
07	Giàn sắc thuốc 2014	K. Dược	03	206.910	206.910		82.764			X				
08	Giàn sắc thuốc 2016	K. Dược	02	147.345	147.345		73.672			X				
09	Giàn sắc thuốc 2017	K. Dược	02	146.388	146.388		102.471			X				
10	Giàn sắc thuốc 2018	K. Dược	03	198.600	198.600		158.880			X				
11	Giàn sắc thuốc 2019	K. Dược	03	223.500	223.500		201.150							
12	Giàn sắc thuốc Hàn Quốc 2007	K. Dược	01	89.985	89.985		0			x				
14	Bàn họp giao ban	Phòng họp	01	43.000	43.000		16.125			X				
15	Bàn chờ làm việc	Giám đốc	01	10.000	10.000		3.750			X				
16	Chảo sao thuốc 14	K. Dược	01	82.500	82.500		33.000			X				
17	Kính hiển vi	Cận lâm sàng	01	14.000	14.000		0			x				
18	Máy điện tim 2012	K. Cận lâm sàng	01	60.000	60.000		12.000			x				
19	Máy điện tim 2017	K. Cận lâm sàng	01	80.000	80.000		56.000			x				
20	Máy theo dõi BN 5 thông số -17	K. Cận lâm sàng	01	150.000	150.000		105.000			x				
21	Máy điện não vi tính 17	K. Cận lâm sàng	01	680.000	680.000		476.000			x				
22	Máy đo độ loãng xương -16	K. Cận lâm sàng	01	1.149.200	1.149.200		689.520			x				
23	Máy sinh hóa bán tự động - 02	K. Cận lâm sàng	01	69.950	69.950		0			x				
24	Máy sinh hóa bán tự động 15	K. Cận lâm sàng	01	88.000	88.000		44.000			x				
25	Máy huyết học 18 thông số 10	K. Cận lâm sàng	01	200.000	200.000		0			x				
26	Máy huyết học 18 TS 2016	K. Cận lâm sàng	01	329.500	329.500		197.700			x				
27	Máy đo tốc độ máu lắng -15	K. Cận lâm sàng	01	90.000	90.000		45.000			x				

28	Máy ủ ẩm men -13	K. Cận lâm sàng	01	14.200	14.200		4.260			x				
29	Máy hút đờm 1997	Phòng cấp cứu	01	15.000	15.000		0			x				
30	Nồi hấp tiệt trùng 13	K. Cận lâm sàng	01	46.680	46.680		14.004			x				
31	Máy laser nội mạch 12	Khoa PHCN	02	100.000	100.000		20.000			x				
32	Máy laser nội mạch 13	Khoa PHCN	02	93.720	93.720		28.116			x				
33	Máy laser nội mạch 14	Khoa PHCN	01	49.575	49.575		19.830			x				
34	Máy laser nội mạch 15	Khoa PHCN	02	99.575	99.575		49.787			x				
35	Máy laser nội mạch 16	Khoa PHCN	01	49.800	49.800		29.880			x				
36	Máy siêu âm điều trị 14	Khoa PHCN	01	79.000	79.000		23.700			x				
37	Máy siêu âm điều trị 18	Khoa PHCN	01	90.000	90.000		72.000			x				
38	Máy siêu âm đen trắng 15	Khoa PHCN	01	470.000	470.000		235.000			x				
39	Máy kéo giãn cột sống LO 12	Khoa PHCN	01	260.000	260.000		52.000			x				
40	Máy kéo giãn cột sống cho 2 người -17	Khoa PHCN	01	395.000	395.000		276.500			x				
41	Máy cắt trĩ LG 2000 -12	Khoa PHCN	01	300.000	300.000		60.000			x				
42	Máy lưu huyết não - 2007	Khoa PHCN	01	375.000	375.000		0			x				
43	Máy điện xung –điện phân 14	Khoa PHCN	01	95.000	95.000		38.000			x				
44	Máy điện xung –điện phân 15	Khoa PHCN	01	95.000	95.000		47.500			x				

45	Máy điện xung –điện phân 16	Khoa PHCN	01	95.000	95.000		57.000			x				
46	Máy điện xung –điện phân 17	Khoa PHCN	01	110.000	110.000		77.000			x				
47	Máy điện xung –điện phân 18 (AGRIBANK tài trợ)	Khoa PHCN	02	199.600		199.600	159.680			x				
48	Máy soi hậu môn trực tràng 2006	Khoa Ngoại	01	37.800	37.800		0			x				
49	Máy đọc moddul mã vạch - 17	Khoa Khám bệnh	01	25.000	25.000		17.500			x				
50	Mạng LAN nhà 3 tầng 2014	Hành chính	01	60.319	60.319		0			x				
51	Máy chiếu 2014	Hành chính	01	15.620	15.620		0			x				
52	Máy vi tính sách tay 2012	Giám đốc	01	11.500	11.500		0			x				
53	Nồi hấp tiệt trùng 14	Khoa Ngoại	01	46.683	46.683		18.673			x				
54	Ôn áp li oa 20 KVA 2009	Cận lâm sàng	01	18.708	18.708		0			x				
55	Hệ thống tập PHCN Đa năng toàn thân 13	Khoa PHCN	01	90.380	90.380		27.114			x				
56	Thiết bị tập PHCN cường bức cho chi trên,chi dưới 17	Khoa PHCN	01	280.000	280.000		196.000			x				
57	Tủ làm nóng PARafin -18	Khoa PHCN	02	180.000	180.000		144.000			x				
58	Tủ sấy memmert 2012	Cận lâm sàng	01	30.000	30.000		9.000			x				
59	Tủ tài liệu 2 tầng 15	Giám đốc	01	35.000	35.000		13.125			X				
60	Bồn đun Parafin 14	Khoa PHCN	01	55.075	55.075		13.937			x				
61	Hệ thống xử lý nước thải - 13	Hành chính	01	8.753.550	8.753.550		1.094.193			x				
62	Hệ thống báo cháy tự động	Hành	01	99.198	99.198		74.398			x				

	18	chính												
63	Đường dây và Trạm biến áp 320 KVA -18	Hành chính	01	745.863	745.863		596.690			x				
64	Máy giặt 17 kg -18	Hành chính	01	18.500	18.500		11.100			x				
65	Máy giặt HQ 15 kg -14	Hành chính	01	15.972	15.972		0			x				
66	Máy pho to 2580 -13	Hành chính	01	75.000	75.000		18.750			x				
67	Máy photo 2501 L -18	Hành chính	01	88.500	88.500		66.375			x				
68	Hệ thống âm thanh phòng giao ban-18	Hành chính	01	99.959	99.959		59.975			x				
69	Máy chiếu -14	Hành chính	01	15.620	15.620		0			x				
70	Máy chủ -17	Kế hoạch TH	01	99.900	99.900		39.960			x				
71	Máy giặt LG 17 kg 2018	Nhà giặt	01	18.500	18.500		11.100			x				
72	Máy vi tính đ/c ánh 2018	Kế toán trưởng	01	12.900	12.900		7.740			x				
73	Máy vi tính đ/c Chuyên 18	Tổ chức	01	11.147	11.147		6.688			X				
74	Phần mềm KT Misa 2010	-	01	12.000	12.000		0			x				
75	Phần mềm Quản lý BV 2014	-	01	350.000	350.000		0			x				
76	Quyền sử dụng đất			9.243.247	9.243.247		9.243.247			x				
77	Điều hòa phòng máy đo độ loãng xương 22000- T1/18	Cận lâm sàng	01	35.600	35.600		26.700			x				
78	Điều hòa phòng kế toán 12.000 - T1/18	Tài chính KT	01	17.469	17.469		13.101			x				
79	Điều hòa phòng tập PHCN nhà 3 tầng 22000- T1/18	Khoa PHCN	01	35.600	35.600		26.700			x				
80	Điều hòa khoa Châm cứu 12.000- T8-18	Khoa Châm cứu	02	28.656	28.656		21.492			x				
81	Điều hòa phòng tập PHCN	Khoa	01	14.328	14.328		10.746			x				

	Phòng VLTL 12000– T8/18	PHCN												
82	Điều hòa phòng XQ 22000– T8/18	Cận lâm sàng	01	31.241	31.241		23.430			x				
83	Điều hòa K. Ngoại 12000– T8/18	Khoa ngoại	01	14.328	14.328		10.746			x				
84	Điều hòa 18000– T8/18	Khoa KB	01	19.553	19.553		14.664			x				
85	Điều hòa khoa Châm cứu 18.000- T8-18	Khoa Châm cứu	02	39.106	39.106		29.329			x				
86	Điều hòa 12000– T8/18	Khoa ngoại	01	14.328	14.328		10.746			x				
87	Điều hòa phòng VT12000– T8/18	Văn Thư	01	14.328	14.328		10.746			x				
88	Điều hòa Kho thuốc Tân dược 12000– T8/18	K.Dược	01	14.328	14.328		10.746			x				
89	Điều hòa K. Ngoại 12000– T6/17	Khoa ngoại	01	17.644	17.644		11.027			x				
90	Điều hòa K. Phụ 12000– T6/17	Khoa Phụ	01	17.644	17.644		11.027			x				
91	Điều hòa P. Hành chính 18000– T6/17	Hành chính	01	24.574	24.574		15.358			x				
92	Điều hòa Phòng cấp phát 18000– T6/17	K.Dược	01	24.574	24.574		15.354			x				
93	Điều hòa K. Nhi 12000– T6/17	Khoa Nhi	01	17.644	17.644		11.027			x				
94	Điều hòa Châm cứu 12000– T6/17	Khoa Châm cứu	01	17.644	17.644		11.027			x				
95	Điều hòa K. Nội 12000– T6/17	Khoa Nội	01	17.644	17.644		11.027			x				
96	Điều hòa P. Tổ chức 12000– T6/17	Tổ chức	01	17.644	17.644		11.027			x				
97	Điều hòa P. KHTH 12000– T6/17	P. Kế hoạch TH	01	17.644	17.644		11.027			x				
98	Điều hòa P.Hành chính khoa PHCN 12000– T6/17	Khoa PHCN	01	17.644	17.644		11.027			x				

99	Điều hòa phòng máy tập + P. Điện xung 22000- T4/16	Khoa PHCN	02	60.962	60.962		30.481			x				
100	Điều hòa phòng máy siêu âm 22000- T4/16	Cận lâm sàng	01	30.481	30.481		15.240			x				
101	Điều hòa phòng xoa bóp 18000- T8/15	Khoa PHCN	01	21.000	21.000		7.875			x				
102	Điều hòa phòng Giám đốc 18000- T8/15	Giám đốc	01	21.000	21.000		7.875			x				
103	Điều hòa phòng Giao ban 22000- T8/15	P. Giao ban	02	56.000	56.000		21.000			x				
104	Điều hòa phòng họp 22000- T8/15	Phòng họp	02	56.000	56.000		21.000			x				
105	Điều hòa P. Phó giám đốc 12000- T8/15	Phó giám đốc	01	14.500	14.500		5.437			x				
106	Máy li tâm DLAB 19	Cận lâm sàng	01	17.000	17.000		15.454			x				
107	Điều hòa Dai kin 18.000 BTU 19	Khoa Dược + PHCN	04	99.091	99.091		86.704			x				
108	Điều hòa âm trần	Khám bệnh	02	96.360	96.360		84.315			x				
109	Máy Scan	Kế toán	01	10.450	10.450		8.360			x				
110	Máy Scan	Văn thư	01	10.450	10.450		8.360			x				
111	Hệ thống camera		01	92.188	92.188		80.664			x				
112	Máy tập luyện da năng	Khoa PHCN	01	92.000	92.000		82.800			x				
113	Hệ thống âm thanh hội trường	Hành chính	01	95.700	95.700		76.560			x				
114	Giàn sắc thuốc 19	Dược	03	223.500	223.500		201.150			x				
115										x				
116	Hệ thống XQ Shimazdu 19	Cận lâm sàng	01	4.625.000	4.625.000		4.162.500			x				
117	Máy điện xung- điện phân	Khoa PHCN	04	440.000	440.000		396.000			x				

Sở Y tế tỉnh Nam Định

Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định

Mã đơn vị: 1046236

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp công lập

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2019

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Ngàn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Ngàn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
1	Nhà điều trị bệnh nhân đơn nguyên PHCN	1,061,888		127,756			x					23,370		23,370		
2	Bể nước đơn nguyên 2	46,524		0			x					Không				
III	Xe ô tô															
1	ô tô cứu thương	380,069		0			x					10,900		10,900		
IV	Tài sản cố định khác															
1	Máy XQ Shimazdu	460,170		0			x					3,000		3,000		
2	Máy siêu âm đen trắng MAY 27	170,456		0			x					200		200		
3	Máy siêu âm đen trắng MAY 28	191,400		0			x					50		50		
4	Bàn phụ khoa	8,000		0			x					100		100		
5	Bếp hồng ngoại	1,100		0			x					0		0		
6	Máy giặt	5,314		0			x					100		100		
7	Máy vi tính + máy in Hành chính	20,000		0				x								
8	Máy vi tính + máy in TV	14,080		0				x								
9	Máy vi tính + máy in Được 11/09	10,040		0				x								

10	Máy vi tính + máy in Y vụ 11/09	4,655		0				x								
	Cộng	2.373.696										37,720		37,720		

Người báo cáo



Đào Văn Lân

Ngày 18 tháng 01 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Giám đốc
Trương Thị Thu Hồng

Sở y tế Nam Định
 Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định
 Mã đơn vị: 104236
 Loại hình đơn vị: Khôỉ sữ nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2019

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà												Ghi chú
		Diện tích(m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán(Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng(m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất khuôn viên; Địa chỉ đường Tuệ Tĩnh , P. Lộc Hạ, TP Nam Định	13.919,9	9.243,247		13.919,9																	
2	Nhà làm việc và khoa khám bệnh									2015	2080	15.402.239	10.265.559		2080							
3	Nhà Dược									1992	500	459.716	0		500							
3	Nhà điều trị									2007	800	1.562.340	207.634.986		800							

	bệnh nhân A2																			
4	Nhà khoa Dinh dưỡng								2011	384	1.836.200	733.929.140		384						
5	Nhà thuốc bệnh viện								2011	25	269.818	107.846.254		25						
6	Công trình phụ trợ								2013	244	4.871.847	1.461.554		244						
7	Nhà sắc sây thuốc bắc								2013	109	543.750	217.336.875		109						
8	Nhà lò hơi								2013	18	134.537	13.453		18						
	Tổng cộng:																			

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)



Đào Văn Lân

Ngày 18 tháng 01 năm 2020

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



**Giám đốc
Trương Thị Thu Hồng**